TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/DS-PT
Ngày 15/5/2024
"V/v: Tranh chấp chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Hương, ông Ma Hồng Thắng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Ánh Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang:*** Bà Ma Thị Thắm, Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2024/TLPT - DS, ngày 16 tháng 01 năm 2024, về việc "*Tranh chấp chia di sản thừa kế*".

Do bản án dân sự sơ thẩm 126/2023/DS - ST ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2024/QĐ-PT, ngày 15 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 55/2024/QĐ-PT, ngày 08 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 58/2024/QĐ-PT, ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn***: Ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1959; địa chỉ: Số nhà 139, đường Trần Văn L, Tổ dân phố C5, phường Cát B, quận Hải A, thành phố Hải Ph, có mặt.

* ***Bị đơn***: Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1962; địa chỉ: Số nhà 73, đường Lê L, tổ 11, phường Tân Q, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q, có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền bị đơn: Luật sư Lưu Hồ L – Cộng tác viên Chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật cộng đồng và trợ giúp pháp lý cho người chưa thành niên tại tỉnh Tuyên Quang, địa chỉ: Số nhà 06, tổ 15, phường Phan Th, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q, có mặt.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:***

- Bà Phạm Thanh H1, sinh năm 1956; địa chỉ: Số nhà 229, tổ 6, phường Hưng Th, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q, có mặt.

- Ông Phạm Ngọc Th, sinh năm 1968; địa chỉ: Số nhà 64, tổ 01, phường An T, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q, có mặt.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Phạm Thị Hoà B, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn Phú A, xã Thái L, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q, có mặt.

- Ông Lê Cảnh Ch, sinh năm 1956, vắng mặt không có lý do.

- Anh Lê Cảnh H2, sinh năm 1996, vắng mặt không có lý do.

Cùng địa chỉ: Số 61, ngõ 190, Nguyễn Tr, quận Thanh X, thành phố Hà N.

- Chị Lê Mai Ph, sinh năm 1992, địa chỉ: Toà Lim Tower III, 29A, Nguyễn Đình Ch, phường Đa K, quận 3, thành phố Hồ Chí M, vắng mặt không có lý do.

- Bà Hoàng Thị L1, sinh năm 1960; Người đại diện theo uỷ quyền là ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1962; cùng địa chỉ: Số nhà 73, đường Lê L, tổ 11, phường Tân Q, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q. *"Theo Hợp đồng uỷ quyền số: 2071 ngày 25 tháng 9 năm 2023"*.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Phạm Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Ngọc D trình bày: Bố ông là cụ Phạm Sỹ S, sinh năm 1931, đã chết ngày 31/01/1994; mẹ ông là cụ Trần Thị Th1, sinh năm 1935, đã chết ngày 20/7/2011.

Bố mẹ ông sinh được 6 người con chung; không có con nuôi và con riêng; cụ thể:

1, Bà Phạm Thị Hoà B, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Thôn Phú A, xã Thái L, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q.

2, Bà Phạm Thanh H1, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số nhà 229, tổ 6, phường Hưng Th, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q.

3, Ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Số nhà 139, đường Trần Văn L, tổ C5, phường Cát B, quận Hải A, thành phố Hải Ph.

4, Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Số nhà 73, đường Lê L, tổ 11, phường Tân Q, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q.

5, Ông Phạm Ngọc Th, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số nhà 64, tổ 01, phường An T, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q.

6, Bà Phạm Thanh M, sinh năm 1964, đã chết năm 2001. Khi bà M chết bà M có chồng là ông Lê Cảnh Ch, sinh năm 1956 và có 02 con chị Lê Mai Ph, sinh năm 1992 và anh Lê Cảnh H2, sinh năm 1996. Hiện nay ông Ch và anh H2 cư trú tại: Số 61, ngõ 190, Nguyễn Tr, quận Thanh X, thành phố Hà N; chị Ph cư trú tại: Tòa Lim Tower III, 29A, Nguyễn Đình Ch, phường Đa K, quận 3, thành phố Hồ Chí M.

Khi còn sống bố mẹ ông đã tạo dựng được khối tài sản diện tích đất 150 m^2 tại tổ 11, phường Tân Q, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q. Đất đã được UBND thị xã Tuyên Q (nay là thành phố Tuyên Q) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố mẹ ông, sau khi bố ông chết, năm 2006 gia đình đã làm thủ tục cấp đổi giấy CNQSD đất để mang tên một mình mẹ ông. Trên diện tích đất có 01 một nhà xây 2 tầng mái bằng, ngôi nhà này bố mẹ ông xây dựng vào khoảng năm 1986 - 1987.

Khi bố ông chết không để lại di chúc, gia đình ông cũng không họp để phân chia di sản đối với phần tài sản của bố ông. Lúc này mẹ ông trực tiếp quản lý và sử dụng nhà, đất, mẹ ông sinh sống cùng ông Phạm Ngọc Th đến năm 2001, sau đó mẹ ông và ông Th chuyển về sinh sống tại thành phố Hải Ph, nhà khoá cửa để đó. Khoảng 01 năm sau gia đình ông Phạm Ngọc H chuyển về sinh sống ngôi nhà của mẹ ông, lúc này mẹ ông vẫn đang sinh sống ở Hải Ph với ông Th (hai mẹ con thuê nhà ở vì ông Th đi làm ở Hải Ph và lúc đó vợ chồng ông đang đi Ba Lan nên mẹ ông về đó cũng ở gần nhà ông để phụ giúp trông con cái cho ông). Sau đó ông Th cũng đi Ba Lan nên mẹ ông lại chuyển về nhà của mẹ ông để sinh sống. Từ lúc này mẹ ông sinh sống cùng vợ chồng ông Phạm Ngọc H. Đến khoảng năm 2009 do công trình phụ và bếp đã cũ và mẹ ông lại bị ốm nên vợ chồng ông H có sửa chữa xây dựng lại bếp và công trình phụ và cầu thang nhưng tiền xây dựng là do ông Phạm Ngọc Th gửi từ Ba Lan về cho ông H. Đến năm 2011 mẹ ông chết, ông không biết mẹ ông có để lại di chúc hay không nhưng khi anh em họp gia đình, ông H có đưa ra bản di chúc đánh máy không có cơ quan, tổ chức nào xác nhận và không có ai làm chứng, ông H là người giữ tờ giấy này, ông không được biết nội dung của tờ giấy này vì ông H không cho đọc mà chỉ dơ lên cho nhìn.

Sau khi mẹ ông chết, anh em trong gia đình đã nhiều lần họp để chia thừa kế nhưng không thành, ông H không nhất trí chia. Anh em trong gia đình có thống nhất nhà và đất sẽ chia làm hai phần, ông Th một nửa và ông H một nửa, ông H sử dụng nhà đất và chia cho ông Th số tiền 600.000.000 đồng nhưng ông H cũng không thực hiện. Sau khi ông Th lấy vợ, sinh con có xin ông H chuyển về nhà của mẹ để ở nhưng ông H không đồng ý nên ông Th phải đi thuê trọ để ở làm anh em trong gia đình bức xúc. Vì vậy, ông làm đơn khởi kiện đối với ông Phạm Ngọc H, đề nghị Toà án chia thừa kế là diện tích đất 150m^2 và tài sản gắn liền với đất, địa chỉ số 73, đường Lê L, tổ 11, phường Tân Q, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q, theo pháp luật thành 5 phần, đối với chồng và con bà Phạm Thanh M (đã chết) là ông Lê Cảnh Ch, chị Lê Mai Ph và anh Lê Cảnh H2 đã từ chối hưởng di sản.

**** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Ngọc H trình bày:***

Về hàng thừa kế, thời điểm bố mẹ chết: Ông đồng ý với ý kiến của ông Phạm Ngọc D.

Về nguồn gốc nhà đất hiện nay đang có tranh chấp: Thửa đất tại tổ 11, phường Tân Q, thành phố Tuyên Q, đất đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mẹ ông là cụ Trần Thị Th1. Trên thửa đất này có 01 một nhà xây 2 tầng mái bằng, xây dựng vào khoảng năm 1986 - 1987.

Năm 2011 mẹ ông chết có để lại di chúc viết ngày 21/02/2011, nội dung di chúc để lại di sản là nhà đất cho 02 người con là ông và ông Phạm Ngọc Th. Nhưng trước đây ông đã hỗ trợ ông Th số tiền 25.000.000 đồng (giấy biên nhận ngày 16/10/1999). Có thời gian ông Th tự đánh giá nhà đất mà mẹ ông để lại là 1.200.000.000 đồng, anh

em tự thỏa thuận ông sử dụng nhà đất và thanh toán cho ông Th số tiền 600.000.000 đồng. Ông vẫn đồng ý thanh toán số tiền này cho ông Th và tất cả anh chị em trong gia đình (hàng thừa kế) cùng đến Phòng công chứng để làm thủ tục phân chia di sản thừa kế, ông sẽ thanh toán số tiền trên cho ông Th làm 02 lần, lần thứ nhất thanh toán 300.000.000 đồng vào ngày các đồng thừa kế ký vào văn bản từ chối hưởng di sản thừa kế, lần thứ hai thanh toán 300.000.000 đồng vào ngày các cơ quan có thẩm quyền giải quyết xong các thủ tục giấy tờ. Vì vậy ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc D.

Tại phiên tòa, ông đề nghị chia di sản thừa kế theo di chúc vì di chúc của mẹ ông để lại là hợp pháp và ông đề nghị đối trừ khoản tiền mà ông đã chuyển cho ông Th từ năm 1999.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Phạm Ngọc Th trình bày:***

Ông là em trai của ông Phạm Ngọc D và ông Phạm Ngọc H. Bố ông là cụ Phạm Sỹ S, sinh năm 1931, chết ngày 31/01/1994; mẹ ông là cụ Trần Thị Th1, sinh năm 1935, chết ngày 20/7/2011. Bố mẹ ông sinh được 6 người con chung như ông Phạm Ngọc D trình bày là hoàn toàn đúng.

Khi còn sống bố mẹ ông được nhà nước cấp cho 01 thửa đất tại tổ 11, phường Tân Q, thành phố Tuyên Q. Đất đã được UBND thị xã Tuyên Q (nay là thành phố Tuyên Q) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố mẹ ông, năm 2006 gia đình ông đã làm thủ tục cấp đổi giấy để mang tên một mình mẹ ông. Trên thửa đất này có 01 một nhà xây 2 tầng mái bằng, diện tích mỗi tầng khoảng 45m^2, ngôi nhà này bố mẹ ông xây dựng khoảng năm 1986-1987. Khi bố ông chết không để lại di chúc, gia đình ông cũng không họp để phân chia di sản đối với phần của bố ông. Mẹ ông là người trực tiếp quản lý và sử dụng nhà, đất. Năm 2001 ông đi xuất khẩu lao động ở Ba Lan thì mẹ ông ở một mình, khoảng 01 đến 02 năm sau gia đình ông Phạm Ngọc H chuyển về ở cùng mẹ. Trong thời gian vợ chồng ông H ở cùng mẹ, ông H có sửa chữa xây dựng lại bếp và công trình phụ, lúc này ông chưa lập gia đình, tại thời điểm này ông H đang nuôi 02 con ăn học nên ông có gửi tiền về cho ông H để xây dựng bếp và công trình phụ cho mẹ. Đến năm 2011 mẹ ông chết, trước khi mẹ ông chết có để lại di chúc bằng văn bản, ông H là người giữ di chúc, nội dung di chúc của mẹ ông viết là nhà đất để lại cho ông H và cho ông vì các anh em đều đã có nhà ở riêng. Anh em ông có thống nhất, ông H sử dụng nhà đất và đưa cho ông số tiền 600.000.000 đồng, ông H nhất trí nhưng sau này ông H không thực hiện, anh em trong gia đình đã họp nhiều lần để hoà giải nhưng không thành, đến trước Tết nguyên đán năm 2021 gia đình cũng họp buổi cuối cùng, có lập biên bản và cùng ký thống nhất ông H sử dụng nhà đất và đưa cho ông số tiền 600.000.000 đồng, ông H nhất trí ký biên bản và hẹn đến ngày 30/3/2021 thì ông H phải thực hiện xong nhưng ông H vẫn không thực hiện. Nay ông Phạm Ngọc D khởi kiện ông Phạm Ngọc H về việc chia thừa kế theo pháp luật, ông nhất trí. Ông

đề nghị Toà án xem xét, nếu di chúc của cụ Trần Thị Th1 là hợp pháp thì chia thừa kế theo di chúc, nếu di chúc không hợp pháp thì chia thừa kế theo pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phạm Thanh H1 trình bày:***

Về hàng thừa kế, thời điểm bố mẹ chết: Bà đồng ý với ý kiến của ông Phạm Ngọc D, Phạm Ngọc H, Phạm Ngọc Th.

Về nguồn gốc nhà đất: Bà đồng ý với ý kiến của ông Phạm Ngọc D.

Bà xác định khi bố bà chết không để lại di chúc, gia đình bà cũng không họp để phân chia di sản đối với phần của bố bà. Lúc này, mẹ bà trực tiếp quản lý và sử dụng nhà đất, mẹ bà sinh sống cùng ông Phạm Ngọc Th đến năm 2001, sau đó mẹ bà và ông Th về ở tại Hải Ph, nhà khoá cửa để đó. Khoảng năm 2002 gia đình ông Phạm Ngọc H chuyển về sinh sống ở ngôi nhà của mẹ bà, lúc này mẹ bà vẫn đang sinh sống ở Hải Ph với ông Th (hai mẹ con thuê nhà ở vì ông Th đi làm ở Hải Ph và lúc đó vợ chồng ông D đi Ba Lan nên mẹ bà về đó cũng ở gần nhà ông D để phụ giúp trông con cái cho ông D). Sau đó ông Th cũng đi Ba Lan nên mẹ bà lại chuyển về nhà của mẹ tại Tuyên Q để sinh sống. Từ đó mẹ bà ở cùng vợ chồng ông H. Đến khoảng năm 2009 do công trình phụ và bếp đã cũ và mẹ bà lại bị ốm nên vợ chồng ông H có sửa chữa xây dựng lại bếp và công trình phụ và cầu thang nhưng tiền xây dựng là do ông Phạm Ngọc Th gửi từ Ba Lan về cho ông H. Năm 2011 mẹ bà chết, bà không biết mẹ bà có để lại di chúc hay không nhưng khi anh em họp gia đình, ông H có đưa ra bản di chúc đánh máy không có cơ quan, tổ chức nào xác nhận và không có ai làm chứng, ông H là người giữ bản di chúc, bà không biết nội dung của bản di chúc vì ông H không đọc. Sau khi mẹ bà chết, anh em trong gia đình đã nhiều lần họp gia đình để chia thừa kế nhưng không thành, ông H không nhất trí chia. Anh em trong gia đình có thống nhất nhà đất đó sẽ chia làm hai phần, ông Th một nửa và ông H một nửa, ông H sử dụng nhà đất và chia cho ông Th số tiền 600.000.000 đồng nhưng ông H cũng không thực hiện. Nay ông D khởi kiện ông H, bà nhất trí và đề nghị Toà án chia thừa kế theo pháp luật vì di chúc không hợp pháp.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hòa B trình bày:***

Về hàng thừa kế, thời điểm bố mẹ chết nội dung thống nhất với ý kiến của ông Phạm Ngọc D, Phạm Ngọc H, Phạm Ngọc Th, bà Phạm Thanh H1.

Về nguồn gốc nhà đất bà B nhất trí như ý kiến của ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc H, ông Phạm Ngọc Th, bà Phạm Thanh H1 đã trình bày:

Khi bố bà chết không để lại di chúc, gia đình bà cũng không họp để phân chia di sản đối với phần của bố bà, mẹ bà và ông Th trực tiếp quản lý và sử dụng nhà đất đến năm 2001 thì mẹ bà ở một mình, khoảng 01 đến 02 năm sau cả gia đình ông Phạm Ngọc H chuyển về ở cùng mẹ bà. Trong thời gian vợ chồng ông H ở cùng mẹ, ông H có sửa chữa xây dựng lại bếp và công trình phụ nhưng tiền xây dựng là do ông Phạm Ngọc Th gửi về, lúc này ông Th đang đi xuất khẩu lao động

ở Ba Lan. Năm 2011 mẹ bà chết, mẹ bà có để lại di chúc bằng văn bản, ông H là người giữ di chúc, bà chỉ nhớ nội dung di chúc là nhà đất để lại cho ông H và ông Th vì các anh chị em đều đã có nhà ở riêng, nếu người nào ở thì phải trả tiền cho người kia. Nhưng sau này ông H không thực hiện, anh em trong gia đình đã họp nhiều lần để phân chia di sản theo di chúc nhưng không thành, ông H không nhất trí chia. Lúc đầu anh em trong gia đình có thống nhất nhà đất sẽ chia làm hai phần, ông Th một nửa và ông H một nửa, ông H sử dụng nhà đất và chia cho ông Th số tiền 600.000.000 đồng nhưng ông H cũng không thực hiện. Nay ông D khởi kiện ông H, bà nhất trí. Đề nghị Toà án hoà giải giữa các anh em, nếu sau buổi hoà giải ông H nhất trí chia di sản theo di chúc thì bà đồng ý, còn ông H không nhất trí chia theo di chúc thì bà đề nghị Toà án chia di sản theo pháp luật.

Đến ngày 10/12/2021 bà Phạm Thị Hòa B có đơn rút yêu cầu độc lập và đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo di chúc, bà xác định bản di chúc do mẹ bà là cụ Trần Thị Th1 lập năm 2011 là hợp pháp vì bà là người trực tiếp chứng kiến việc cụ Th1 lập di chúc này.

Tại phiên tòa, bà B trình bày, do bà không hiểu biết nên sau khi Tòa án thụ lý vụ án bà đã đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D, nay bà xác định di chúc cụ Trần Thị Th1 lập là hợp pháp nên đề nghị chia thừa kế theo di chúc.

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Cảnh Ch, chị Lê Mai Ph và anh Lê Cảnh H2:*** Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi văn bản tố tụng cho ông Ch, chị Ph, anh H2 nhưng họ đều vắng mặt. Ngày 13/9/2021 Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang nhận được văn bản từ chối quyền thừa kế đối với thửa đất tại địa chỉ số 73, đường Lê L, tổ 11, phường Tân Q, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q. Vì vậy, ông Ch, chị Ph, anh H2 xác định không liên quan đến vụ án.

*** Ý kiến của bà Hoàng Thị L1** (ông Phạm Ngọc H là người đại diện theo ủy quyền) trình bày: Bà là vợ của ông Phạm Ngọc H, vợ chồng bà ở đây 30 năm nên quyền lợi của bà phụ thuộc và gắn liền với chồng bà. Bà ủy quyền cho ông H tham gia các phiên tòa.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản: Thửa đất số 02206.23.03; tờ bản đồ số 23; địa chỉ thửa đất: Tổ 11, phường Tân Q, thành phố Tuyên Q; diện tích 150m^2; mang tên bà Trần Thị Th1; Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định cấp Giấy chứng nhận số 779/QĐ-UBND ngày 18/8/2006 của Ủy ban nhân dân thị xã Tuyên Q (nay là thành phố Tuyên Q); tài sản gắn liền với đất là nhà xây cấp 4 - 2 tầng, diện tích (4,81 x 10,66)m x 2 tầng, tường xây gạch chỉ đỏ, tường 220, xây dựng năm 1986.

Kết quả định giá tài sản: Ngày 28/4/2022, Hội đồng định giá tài sản tiến hành định giá tài sản, ông D, ông Th, bà H1 đề nghị thuê đơn vị tổ chức thẩm định giá độc

lập để định giá. Ông H và bà B đề nghị định giá theo giá của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định về khung giá đất. Ông D, ông Th, bà H1 nộp Chứng thư thẩm định của Công ty thẩm định giá Tây Đô và đề nghị xác định giá trị tài sản theo giá mà tổ chức thẩm định giá độc lập đưa ra, ông H và bà B không nhất trí. Tại buổi định giá ngày 20/7/2022, các đương sự đề nghị Hội đồng định giá khảo sát giá tài sản theo giá thị trường để tiến hành định giá. Ngày 07/9/2022 Hội đồng định đã tiến hành định giá tài sản theo giá thị trường nhưng ông H và bà B không nhất trí. Ngày 30/11/2022 Hội đồng định giá đã tiến hành định giá lại tài sản theo giá thị trường nhưng ông H và bà B vẫn không nhất trí với giá mà Hội đồng định giá kết luận.

Tại phiên tòa ngày 28/7/2023, các đương sự đều giữ nguyên ý kiến của mình. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đều đề nghị HĐXX giám định chữ viết, chữ ký của cụ Trần Thị Th1 trong bản di chúc lập ngày 20/02/2011; các đương sự đều đề nghị định giá lại tài sản theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định tại thời điểm xét xử. Vì vậy, HĐXX ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập bổ sung chứng cứ.

Trong thời gian tạm ngừng phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có văn bản thay đổi ý kiến về việc định giá lại tài sản vì lý do tại phiên tòa đã hiểu sai về cách định giá tài sản nên giữ nguyên ý kiến về định giá tài sản theo giá thị trường như kết luận định giá của Hội đồng định giá ngày 30/11/2022.

Về yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký của cụ Trần Thị Th1 trong bản di chúc. Tại công văn số: 2029/QLHC-Đ5 ngày 27/8/2023 của Phòng Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh Tuyên Quang, đã có công văn trả lời văn bản số 1287/CV-TA ngày 21/8/2023 của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang không lưu giữ được mẫu chữ của cụ Trần Thị Th1, do không thu thập được mẫu chữ viết của cụ Trần Thị Th1 nên các đương sự không yêu cầu giám định chữ viết nữa và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của bản di chúc để chia thừa kế.

Tại phiên tòa ngày 30/9/2023, các đương sự đều giữ nguyên ý kiến của mình, bị đơn có yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp, bị đơn nhất trí nộp chi phí định giá tài sản. Vì vậy, HĐXX đã tạm ngừng phiên tòa để bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ, đồng thời đã ấn định thời gian nộp chi phí định giá, nhưng hết thời gian nộp chi phí định giá, bị đơn không nộp chi phí tố tụng nên không thực hiện được việc định giá lại tài sản. Vì vậy, ngày 30/10/2023, HĐXX tiếp tục mở lại phiên tòa để xét xử vụ án theo thủ tục chung, bị đơn trình bày do thấy không cần thiết nên không yêu cầu định giá lại tài sản nữa. Các đương sự không giao nội bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 126/2023/DS-ST, ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 611, 612, 613, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc D và chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thanh H1, ông Phạm Ngọc Th.

Xác định Thửa đất số 02206.23.03; tờ bản đồ số 23; địa chỉ thửa đất: Tổ 11, phường Tân Q, thành phố Tuyên Q; diện tích 150m^2; Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định cấp Giấy chứng nhận số 779/QĐ-UBND ngày 18/8/2006 của Ủy ban nhân dân thị xã Tuyên Q (nay là thành phố Tuyên Q); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị Th1 và tài sản gắn liền với đất là nhà xây cấp 4 - 2 tầng là di sản thừa kế của cụ Trần Thị Th1 có *tổng giá trị là 4.098.683.536 đồng (Bốn tỷ không trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm ba mươi sáu đồng).*

2. Xác định những người được thừa kế di sản của cụ Trần Thị Th1 gồm: Ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc H, bà Phạm Thanh H1, bà Phạm Thị Hòa B, ông Phạm Ngọc Th và Phạm Thanh M (bà M đã chết năm 2001; chồng bà M là ông Lê Cảnh Ch và 02 con là chị Lê Mai Ph, anh Lê Cảnh H2, đã có văn bản từ chối hưởng di sản).

3. Chia di sản thừa kế như sau:

- Ông Phạm Ngọc H được quyền quản lý, sử dụng đối với toàn bộ Thửa đất số 02206.23.03; tờ bản đồ số 23; địa chỉ thửa đất: Tổ 11, phường Tân Q, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q; diện tích 150m^2; Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định cấp Giấy chứng nhận số 779/QĐ-UBND ngày 18/8/2006 của Ủy ban nhân dân thị xã Tuyên Q (nay là thành phố Tuyên Q); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị Th1 và tài sản gắn liền với đất là nhà xây cấp 4 - 2 tầng.

- Ông Phạm Ngọc H có trách nhiệm thanh toán cho: Ông Phạm Ngọc D, bà Phạm Thanh H1, ông Phạm Ngọc Th và bà Phạm Thị Hòa B, mỗi người 01 kỷ phần bằng số tiền 683.113.922 đồng *(Sáu trăm tám mươi ba triệu, một trăm mười ba nghìn, chín trăm hai mươi hai đồng).*

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/11/2023, ông Phạm Ngọc H kháng cáo toàn bộ bản án số 126/2023/DS-ST ngày 31/10/2023 của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm:

Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Toà án thành phố Tuyên Quang, vì ông H không nhất trí chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị Th1 theo pháp luật, mà yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc.

Không nhất trí với bản án sơ thẩm xét xử tách yêu cầu của ông H yêu cầu đối trừ số tiền ông Th đã nhận của vợ chồng ông H vào phần di sản ông Th được hưởng, yêu cầu ông Th phải trả cho vợ chồng ông H số tiền 25.000.000đ, mà ông Th đã nhận của vợ chồng ông H từ năm 1999, 2000.

Đề nghị Toà án định giá lại tài sản để đảm bảo quyền lợi của ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Phạm Ngọc H kháng cáo bổ sung đề nghị Toà án trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết ghi họ tên Trần Thị Th1 trong bản di chúc lập ngày 21/2/2011 để xác định có phải là của cụ Trần Thị Th1 ký và viết ra không. Đồng thời ông H rút hai nội dung kháng cáo đó là:

Rút nội dung kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm xét xử tách yêu cầu của ông H yêu cầu đối trừ số tiền ông Th đã nhận của vợ chồng ông H vào phần di sản ông Th được hưởng, yêu cầu ông Th phải trả cho vợ chồng ông H số tiền 25.000.000 đ, mà ông Th đã nhận của vợ chồng ông H từ năm 1999, 2000.

Rút nội dung kháng cáo đề nghị Toà án định giá lại tài sản.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn nhất trí ý kiến của ông H rút nội dung kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm xét xử tách yêu cầu của ông H yêu cầu đối trừ số tiền ông Th đã nhận của vợ chồng ông H vào phần di sản ông Th được hưởng, yêu cầu ông Th phải trả cho vợ chồng ông H số tiền 25.000.000đ, mà ông Th đã nhận của vợ chồng ông H từ năm 1999, 2000 và rút nội dung kháng cáo đề nghị định giá lại. Tiếp tục đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm của Toà án thành phố Tuyên Quang, vì không nhất trí chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị Th1 theo pháp luật, mà yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc và nhất trí kháng cáo bổ sung đề nghị Toà án trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết ghi họ tên Trần Thị Th1 trong bản di chúc lập ngày 21/2/2011 để xác định có phải là của cụ Trần Thị Th1 ký và viết ra không.

Ý kiến của ông Phạm Ngọc D; bà Phạm Thanh H1; ông Phạm Ngọc Th đều không nhất trí nội dung kháng cáo của ông Phạm Ngọc H, đề nghị Toà án chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Ý kiến của bà Phạm Thị Hoà B đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quy định. Đơn kháng cáo của ông Phạm Ngọc H là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Ngọc H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 126/2023/DS-ST ngày 31/10/2023 của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Về án phí phúc thẩm: Ông Phạm Ngọc H là người cao tuổi nên ông H được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 09/11/2023, Tòa án nhận được đơn của ông Phạm Ngọc H kháng cáo toàn bộ bản án số 126/2023/DS-ST ngày 31/10/2023 của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang. Đơn kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nên đơn kháng cáo hợp lệ.

Đối với ý kiến của bị đơn đề nghị rút nội dung kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm xét xử tách yêu cầu của ông H đối với số tiền ông Th đã nhận của vợ chồng ông H để trừ vào phần di sản ông Th được hưởng, yêu cầu ông Th phải trả cho vợ chồng ông H số tiền 25.000.000 đ, mà ông Th đã nhận của vợ chồng ông H từ năm 1999, 2000 và rút nội dung kháng cáo đề nghị định giá lại tài sản, Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, được sự đồng ý của các đương sự khác và phù hợp quy định nên HĐXX không xem xét đối với những nội dung đã rút kháng cáo.

[2]. Về nội dung kháng cáo của ông Phạm Ngọc H yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm vì ông H không nhất trí chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị Th1 theo pháp luật, mà yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 14/8/2023 ông Phạm Ngọc H cung cấp cho Toà án cấp sơ thẩm bản di chúc gốc của cụ Trần Thị Th1, ghi ngày 21 tháng 02 năm 2011 nội dung bản di chúc thể hiện: *"Tôi tên là Trần Thị Th1, 77 tuổi, trú tại số nhà 73, tổ 16, phường Tân Q, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q, cụ Th1 ở tại căn nhà cấp 3 - 2 tầng, trên diện tích đất 150 m^2, thuộc thửa đất số 02206.23.03 được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo quyết định cấp giấy chứng nhận số 779/QĐ-UBND ngày 18/8/2006 của Uỷ ban nhân dân thị xã Tuyên Q, căn nhà trên hai vợ chồng cụ Th1 làm nên năm 1986, chồng cụ Th1 đã chết năm 1994 để lại cho cụ Th1, nên cụ Th1 viết di chúc này để lại phần tài sản là căn nhà 2 tầng trên diện tích đất như trên cho 2 con trai cụ Th1 là Phạm Ngọc H (hiện ở cùng cụ Th1) và Phạm Ngọc Th (Hiện đang lao động ở nước ngoài). Căn nhà này sau này anh nào ở phải có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên và không được bán nhượng cho ai. Tuyên Quang, ngày 21 tháng 02 năm 2011, người lập di chúc ký và ghi họ tên Th1, Trần Thị Th1". Bản di chúc được ông Ngô Bá Nh tổ trưởng tổ 16 ký xác nhận: Bà Th1 có hộ khẩu tại tổ 16 là chủ sở hữu quyền sử dụng đất thửa 02206.23.03 tờ bản đồ 23 theo bìa đỏ, đề nghị Uỷ ban phường giải quyết theo pháp luật thừa kế tài sản, ngày 22 tháng 02 năm 2011 Tổ trưởng ký và ghi họ tên Ngô Bá Nh; Người làm chứng thứ 2, tổ phó kiêm an ninh tổ 16, ngày 22 tháng 02 năm 2011 ký và ghi họ tên Nguyễn Hồng B1".*

Tại Điều 656 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định. Di chúc bằng văn bản có người làm chứng: "Trường hợp người lập di chúc không tự mình viết bản di chúc thì có thể tự mình đánh máy hoặc nhờ người khác viết hoặc đánh máy bản di chúc, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; Những người làm chứng

xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc. Việc lập di chúc bằng văn bản có người làm chứng phải tuân theo quy định tại Điều 653 và Điều 654 của Bộ luật này". Đối với bản di chúc của cụ Trần Thị Th1 được lập và ký ghi họ tên ngày 21 tháng 02 năm 2011 nhưng đến ngày 22 tháng 02 năm 2011 ông Ngô Bá Nh, tổ trưởng tổ 16 và ông Nguyễn Hồng B1 tổ phó kiêm an ninh tổ 16 mới ký xác nhận. Như vậy ông Nh và ông B1 không được làm chứng việc cụ Trần Thị Th1 ký vào bản di chúc ghi ngày 21 tháng 02 năm 2011, nội dung xác nhận của ông Ngô Bá Nh và ông Nguyễn Hồng B1 không thể hiện nội dung xác nhận chứ ký trong bản di chúc nêu trên là chữ ký của cụ Trần Thị Th1. Vì vậy, bản di chúc của cụ Trần Thị Th1 ghi ngày 21 tháng 02 năm 2011 do ông Phạm Ngọc H cung cấp không hội tụ đủ các quy định tại Điều 656 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do vậy bản di chúc của cụ Trần Thị Th1 ghi ngày 21 tháng 02 năm 2011 được xác định là bản di chúc không hợp pháp, nên không có cơ sở chia di sản thừa kế theo di chúc.

Đối với nội dung kháng cáo bổ sung đề nghị Toà án trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết ghi họ tên Trần Thị Th1 trong bản di chúc lập ngày 21/2/2011 để xác định có phải là của cụ Trần Thị Th1 ký và viết ra không. HĐXX xét thấy: Như nội dung nêu trên đã phân tích. Đối với bản di chúc của cụ Trần Thị Th1 được lập và ký ghi họ tên ngày 21 tháng 02 năm 2011 nhưng đến ngày 22 tháng 02 năm 2011 ông Ngô Bá Nh, tổ trưởng tổ 16 và ông Nguyễn Hồng B1 tổ phó kiêm an ninh tổ 16 mới ký xác nhận. Như vậy ông Nh và ông B1 không được làm chứng việc cụ Trần Thị Th1 ký vào bản di chúc ghi ngày 21 tháng 02 năm 2011, nội dung xác nhận của ông Ngô Bá Nh và ông Nguyễn Hồng B1 không thể hiện nội dung xác nhận chứ ký trong bản di chúc nêu trên là chữ ký của cụ Trần Thị Th1, nên yêu cầu kháng cáo giám định chữ ký và chữ viết ghi họ tên Trần Thị Th1 trong bản di chúc lập ngày 21/2/2011 không có ý nghĩa trong việc xác định bản di chúc lập ngày 21/2/2011 là hợp pháp. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải giám định.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông H. Cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 126/2023/DS-ST, ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phúc thẩm.

[3]. Về án phí: Do ông Phạm Ngọc H là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ an phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Ngọc H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 126/2023/DS-ST, ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc D và chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thanh H1, ông Phạm Ngọc Th.

Xác định Thửa đất số 02206.23.03; tờ bản đồ số 23; địa chỉ thửa đất: Tổ 11, phường Tân Q, thành phố Tuyên Q; diện tích 150m^2; Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định cấp Giấy chứng nhận số 779/QĐ-UBND ngày 18/8/2006 của Ủy ban nhân dân thị xã Tuyên Q (nay là thành phố Tuyên Q); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị Th1 và tài sản gắn liền với đất là nhà xây cấp 4 - 2 tầng là di sản thừa kế của cụ Trần Thị Th1 có *tổng giá trị là 4.098.683.536 đồng (Bốn tỷ không trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm ba mươi sáu đồng).*

2. Xác định những người được thừa kế di sản của cụ Trần Thị Th1 gồm: Ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc H, bà Phạm Thanh H1, bà Phạm Thị Hòa B, ông Phạm Ngọc Th và Phạm Thanh M (bà M đã chết năm 2001; chồng bà M là ông Lê Cảnh Ch và 02 con là chị Lê Mai Ph, anh Lê Cảnh H2, đã có văn bản từ chối hưởng di sản).

3. Chia di sản thừa kế như sau:

- Ông Phạm Ngọc H được quyền quản lý, sử dụng đối với toàn bộ diện tích đất 150m^2; thuộc thửa đất số 02206.23.03; tờ bản đồ số 23; địa chỉ thửa đất: Tổ 11, phường Tân Q, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q; Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định cấp Giấy chứng nhận số 779/QĐ-UBND ngày 18/8/2006 của Ủy ban nhân dân thị xã Tuyên Q (nay là thành phố Tuyên Q); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị Th1 và tài sản gắn liền với đất là nhà xây cấp 4 - 2 tầng, có *tổng giá trị là 4.098.683.536 đồng (Bốn tỷ không trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm ba mươi sáu đồng).*

- Ông Phạm Ngọc H có trách nhiệm thanh toán cho: Ông Phạm Ngọc D, bà Phạm Thanh H1, ông Phạm Ngọc Th và bà Phạm Thị Hòa B, mỗi người 01 kỷ phần bằng số tiền 683.113.922 đồng *(Sáu trăm tám mươi ba triệu, một trăm mười ba nghìn, chín trăm hai mươi hai đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên có nghị vụ trả tiền chậm thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông Phạm Ngọc H là người cao tuổi nên được Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (15/5/2024).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố Tuyên Quang;
- Chi cục THADS thành phố Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Văn phòng TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Đức Nam